

**Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ
TNS Holdings**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3-4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng niên độ	10 - 34

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106673358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên
Ông Phan Anh Sơn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Tạ Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Yến	Trưởng Ủy ban Kiểm toán
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên
Ông Phan Anh Sơn	Thành Viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là bà Tạ Thị Thu Hằng, Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		997.789.630.727	942.009.775.716
110	I. Tiền	4	5.124.525.771	258.293.820.419
111	1. Tiền		5.124.525.771	258.293.820.419
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	518.217.757.450	518.217.757.450
121	1. Chứng khoán kinh doanh		518.217.757.450	518.217.757.450
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		474.447.347.506	165.498.197.847
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	5.396.970.289	13.489.474.976
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		45.840.800	45.852.000
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	280.000.000.000	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	8	189.379.972.664	152.338.307.118
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(375.436.247)	(375.436.247)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		309.804.651.371	309.627.151.734
220	II. Tài sản cố định		333.093.657	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình		35.655.093	-
222	Nguyên giá		36.500.000	-
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(844.907)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		297.438.564	-
228	Nguyên giá		304.950.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.511.436)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	121.980.000
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	121.980.000
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		309.316.445.805	309.316.445.805
251	1. Đầu tư vào công ty con	9	309.316.445.805	309.316.445.805
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9	34.500.000.000	34.500.000.000
258	4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	5. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(34.500.000.000)	(34.500.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		155.111.909	188.725.929
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	155.111.909	188.725.929
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.307.594.282.098	1.251.636.927.450

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		529.162.334.407	570.404.412.325
310	I. Nợ ngắn hạn		38.362.334.407	79.604.412.325
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	131.212.813	614.899.552
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	518.382.695	467.948.822
314	4. Phải trả người lao động		22.567.058	24.927.677
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	16.147.715.981	14.568.391.742
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	14	21.542.455.860	63.928.244.532
330	II. Nợ dài hạn		490.800.000.000	490.800.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	490.800.000.000	490.800.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		778.431.947.691	681.232.515.125
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	778.431.947.691	681.232.515.125
411	1. Vốn cổ phần		431.880.870.000	431.880.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		225.568.103.409	225.568.103.409
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		120.982.974.282	23.783.541.716
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		23.783.541.716	3.002.921.355
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		97.199.432.566	20.780.620.361
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.307.594.282.098	1.251.636.927.450

Nguyễn Văn Thiện
Người lập biểu

Hoàng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
1	Doanh thu	17	2.310.937.436	2.990.848.415	4.476.263.414	5.206.814.915
3	Giảm trừ doanh thu				-	-
10	Doanh thu thuần	17	2.310.937.436	2.990.848.415	4.476.263.414	5.206.814.915
11	Giá vốn	18	(2.310.937.436)	(2.990.848.415)	(4.476.263.414)	(5.206.814.915)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	120.147.792.890	120.642.110.587	126.405.582.684	121.092.706.629
22	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	20	(13.612.478.470) (13.612.478.470)	(19.161.011.187) (14.006.269.202)	(25.985.193.808) (25.985.193.808)	(31.510.029.657) (26.355.287.672)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(838.264.402)	(879.738.846)	(3.237.032.943)	(2.617.477.814)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		105.697.050.018	100.601.360.554	97.183.355.933	86.965.199.158
31	11. Thu nhập khác		10.028.000	6.404.320	17.555.569	6.404.320
32	12. Chi phí khác		183.999	(2.010.001)	(1.478.936)	(2.010.001)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		10.211.999	4.394.319	16.076.633	4.394.319
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		105.707.262.017	100.605.754.873	97.199.432.566	86.969.593.477
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	-	-	-	-
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		105.707.262.017	100.605.754.873	97.199.432.566	86.969.593.477

Nguyễn Văn Thiện
Người lập biểu

Hoàng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		97.199.432.566	86.969.593.477
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ		8.356.343	
03	Các khoản dự phòng			5.046.787.874
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19	(126.405.582.684)	(121.092.706.629)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	20	25.984.973.808	26.798.187.672
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.212.819.967)	(2.278.137.606)
09	Tăng các khoản phải thu		(11.885.745.550)	(61.010.015.328)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(42.888.217.831)	(6.084.244.225)
12	Tăng chi phí trả trước		33.614.020	33.593.208
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh			-
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.338.833.895)	(33.619.194.520)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(82.292.003.223)	(102.957.998.471)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(219.470.000)	0
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(280.000.000.000)	(52.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay			30.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			28.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		109.342.178.575	86.125.542.863
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(170.877.291.425)	92.125.542.863
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu			
33	Tiền thu từ đi vay		0	490.800.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay			(490.800.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		0	(2.364.397.025)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		0	(2.364.397.025)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(253.169.294.648)	(13.196.852.633)
60	Tiền đầu năm		258.293.820.419	26.762.449.820
70	Tiền cuối năm	4	5.124.525.771	13.565.597.187



Nguyễn Văn Thiện
Người lập biểu

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 7 năm 2023



Hoàng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 ngày 29 tháng 07 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 24 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 27 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023. Công ty có 9 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	99.62%	99.62%	Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá	51%	51%	Tầng 24, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One (*)	94.75%	94.39%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt (*)	99.75%	99.27%	Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
5	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE (*)	100%	99,62%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
6	Công ty Cổ phần TNTech	99.51%	99.51%	Tầng 21, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ và giải pháp công nghệ thông tin
7	Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	99%	99%	Tầng 26, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ tuyển dụng, cho thuê nhân sự, tư vấn chiến lược nhân sự, đào tạo, xây dựng chính sách lương và chế độ phúc lợi
8	Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	51%	51%	Số 411, Đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án các công trình xây dựng
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý vận hành Khu công nghiệp IMC (*)	99.75%	99.37%	Lô số 7 Nhà điều hành Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản TN Property Management.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính giữa niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 vào ngày 28 tháng 07 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) ; và
- ▶ Quyết định số 100/2006/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán giữa niên độ

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

1.3. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho giai đoạn tài chính hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các giai đoạn sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc đầu tư tài chính, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận trên báo cáo tài chính riêng.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	337.500.000	337.500.000
Tiền gửi ngân hàng	4.787.025.771	257.956.320.419
TỔNG CỘNG	5.124.525.771	258.293.820.419

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý (*)</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	518.217.757.450	612.672.895.800	-	518.217.757.450	607.810.412.500	-
TỔNG CỘNG	518.217.757.450	612.672.895.800	-	518.217.757.450	607.810.412.500	-

(*) Giá trị hợp lý của khoản chứng khoán kinh doanh này tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 được xác định bằng thị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, với giá trị là 12.600 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.500 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	25.000.000	25.000.000
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	5.371.970.289	13.464.474.976
TỔNG CỘNG	<u>5.304.331.368</u>	<u>13.489.474.976</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY - DIÊM SÀI GÒN (*)	100.000.000.000	-
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐỊA ỐC 501.9 (*)	80.000.000.000	-
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN TN PROPERTY MANAGENMENT (**)	100.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>280.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất 11.5%/năm, đáo hạn vào ngày 03 tháng 1 năm 2024.

(** *) Đây là khoản cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất 8 %/năm, đáo hạn vào ngày 12 tháng 6 năm 2024.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu lãi cho vay và hợp tác kinh doanh	17.973.074.320	1.326.108.567
Phải thu khác	399.067.725	416.120.669
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	171.007.830.619	150.596.077.882
TỔNG CỘNG	<u>189.379.972.664</u>	<u>152.338.307.118</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(375.436.247)</u>	<u>(375.436.247)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Đầu tư vào công ty con	309.316.445.805		309.316.445.805	309.316.445.805		309.316.445.805
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34.500.000.000	34.500.000.000	-	34.500.000.000	34.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	343.816.445.805	34.500.000.000	309.316.445.805	343.816.445.805	34.500.000.000	309.316.445.805

9.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

Đơn vị	Ngày 30 tháng 06 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (i)
Công ty Cổ phần TNTECH	209.300.000.000	-	209.300.000.000	209.300.000.000	-	209.300.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	30.345.000.000	-	30.345.000.000	30.345.000.000	-	30.345.000.000
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent	29.700.000.000	-	29.700.000.000	29.700.000.000	-	29.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	37.421.445.805	-	37.421.445.805	37.421.445.805	-	37.421.445.805
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn Đầu thầu. Thẩm định giá	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000
TỔNG CỘNG	309.316.445.805	-	309.316.445.805	309.316.445.805	-	309.316.445.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(*) Phần vốn đầu tư/cổ phiếu nắm giữ tại các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại các công ty này.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần TNTECH	99.51%	99.51%	99.51%	99.51%
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Quản trị nguồn nhân lực TNTalent	99%	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	99.62%	99.62%	99.52%	99.52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn Đấu thầu. Thẩm định giá	51%	51%	51%	51%

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Đơn vị	Ngày 30 tháng 06 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX (i)	3.450.000	34.500.000.000	(34.500.000.000)	34.500.000.000	3.450.000	34.500.000.000	34.500.000.000	-
TỔNG CỘNG		34.500.000.000	(34.500.000.000)	34.500.000.000		34.500.000.000	34.500.000.000	-

(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109602813 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 4 năm 2021 và có trụ sở chính tại Tầng 7, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Công ty này có hoạt động chính trong kỳ là lập trình máy vi tính.

Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty này như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX	15.00%	15.00%	15.00%	15.00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công cụ. dụng cụ xuất dùng	155.111.909	188.725.929
TỔNG CỘNG	155.111.909	188.725.929

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
CÔNG TY CP CMEDIA	88.638.000	-
Công ty cổ phần phần mềm Bravo	30.495.000	-
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - CN Hà nội	4.000.000	420.000.000
Trung tâm xúc tiến đầu tư phát triển Công thương	-	180.000.000
Khác	8.079.813	14.899.552
TỔNG CỘNG	131.212.813	614.899.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Số phải nộp trong năm/ phát sinh</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	139.902.510	358.446.771	(318.794.674)	179.554.607
Thuế thu nhập cá nhân	328.046.312	1.068.418.312	(1.057.636.53)	338.828.088
TỔNG CỘNG	467.948.822	1.426.865.083	(1.376.431.21)	518.382.695

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Lãi vay phải trả	16.119.754.520	14.522.300.834
Các khoản phải trả khác	27.961.461	46.090.908
TỔNG CỘNG	16.147.715.981	14.568.391.742

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Cổ tức phải trả	112.629.150	112.629.150
Các khoản phải trả khác	204.514.419	163.647.958
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	21.225.312.291	63.651.967.424
TỔNG CỘNG	21.542.455.860	63.928.244.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Số phát sinh trong năm		Ngày 30 tháng 06 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Trái phiếu doanh nghiệp (i) <i>Thuyết minh số 23</i>	490.800.000.000	490.800.000.000	-	-	490.800.000.000	490.800.000.000
TỔNG CỘNG	490.800.000.000	490.800.000.000			490.800.000.000	490.800.000.000

- (i) Khoản trái phiếu này có kỳ hạn 36 tháng, khoản cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 3 năm 2025. Lãi định kỳ được trả 6 tháng/lần với lãi suất 10%/năm cho năm đầu tiên và sau đó lãi suất tham chiếu + 3%/năm với lãi được trả hàng năm. Lãi suất từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/09/2023 là 11,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	345.507.370.000	225.568.103.409	20.278.289.855	591.353.763.264
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	86.373.500.000		(103.648.868.500)	(17.275.368.500)
- Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-		107.154.120.361	107.154.120.361
Ngày 30 tháng 06 năm 2022	431.880.870.000	225.568.103.409	23.783.541.716	681.232.515.125
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	431.880.870.000	225.568.103.409	23.783.541.716	681.232.515.125
- Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	97.199.432.566	97.199.432.566
Ngày 30 tháng 06 năm 2023	431.880.870.000	225.568.103.409	120.982.974.282	778.431.947.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	254.562.000.000	59	254.562.000.000	59
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	50.488.130.000	12	50.488.130.000	12
Các cổ đông khác	126.830.740.000	29	126.830.740.000	29
TỔNG CỘNG	431.880.870.000	100	431.880.870.000	100

16.3 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	431.880.870.000	345.507.370.000
Tăng vốn trong năm	-	86.373.500.000
Số cuối năm	431.880.870.000	431.880.870.000
Cổ tức đã chia	-	(103.648.868.500)

16.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	Số lượng (cổ phiếu)	Số lượng (cổ phiếu)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	43.188.087	43.188.087
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	43.188.087	43.188.087
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	43.188.087	43.188.087
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 30 tháng 06 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Tổng doanh thu	2.310.937.436	2.990.848.415	4.476.263.414	5.206.814.915
Trong đó:				
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý	2.310.937.436	2.990.848.415	4.476.263.414	5.206.814.915
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	2.310.937.436	2.990.848.415	4.476.263.414	5.206.814.915
Trong đó:				
Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)			4.476.263.414	5.206.814.915

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Giá vốn của dịch vụ quản lý đã cung cấp	2.310.937.436	2.990.848.415	4.476.263.414	5.206.814.915
TỔNG CỘNG	2.310.937.436	2.990.848.415	4.476.263.414	5.206.814.915

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Cổ tức được chia	113.692.718.250	120.219.538.268	113.692.718.250	120.219.538.268
Lãi đầu tư chứng khoán				
Lãi tiền gửi, cho vay	5.743.784.468	868.881.365	11.579.372.772	873.168361
Lãi tiền quản lý vốn	711.290.172		1.133.491.662	
TỔNG CỘNG	120.147.792.890	121.088.419.663	126.405.582.684	121.092.706.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Chi phí lãi vay, trái phiếu	12.372.660.338	19.161.011.187	25.985.193.808	31.510.029.657
TỔNG CỘNG	12.372.660.338	19.161.011.187	25.985.193.808	31.510.029.657

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	275.194.001	1.924.236.277	2.260.352.443	2.081.963.014
Thuế, phí và lệ phí	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	0	375.066.667	0	375.066.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.237.883	74.582.426	925.833.882	74.183.880
Chi phí khác	48.832.518	82.894.673	30.376.036	82.894.673
TỔNG CỘNG	838.264.402	2.459.780.043	2.398.823.088	2.617.477.814

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty trong năm 2023 là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2022: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận thuần kế toán trước thuế	97.199.432.566	86.969.593.477
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	19.439.886.513	17.393.918.695
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(22.738.543.650)	(24.043.907.654)
Lỗ được chuyển	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho lỗ tính thuế	3.298.657.137	6.649.988.959
Chi phí thuế TNDN	-	-

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

22.3 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2023</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2023</i>
			<i>Không được chuyển lỗ</i>	
2018	2023	1.028.678.076	-	1.028.678.076
2019	2024	4.143.690.275	-	4.143.690.275
2020	2025	5.910.541.970	-	5.910.541.970
2022	2027	39.179.555.660	-	39.179.555.660
TỔNG CỘNG		50.262.465.981	-	50.262.465.981

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt Nam	Công ty mẹ cấp 1
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE	Công ty con
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng TNP)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý vận hành Khu công nghiệp IMC	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ và nền tảng tài chính Kỹ thuật số TNEX	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng TNCONS Việt Nam	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và cho thuê tài sản TNL	Cùng người đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Trường Tiền	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh (*)	Bên liên quan khác đến ngày 17/05/2023
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS VN Gateway	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Đầu tư Sao Hỏa	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần TNG Asset	Bên liên quan khác
Hợp tác xã Thương mại dịch vụ, du lịch Papa garden & house	Bên liên quan khác

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Cổ tức được chia	78.342.413.250	120.219.538.268
		Cổ tức nhận được	78.342.413.250	86.012.879.730
		Góp vốn	0	8.427.500.000
		Cung cấp dịch vụ	3.178.147.024	4.056.812.029
		Cho vay	100.000.000.000	
		Lãi khoản vay quản	489.658.142	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	984.777.952	893.096.445
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	313.338.439	256.906.441
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	Công ty con	Chi phí đào tạo	952.773	
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Cổ tức nhận được	4.950.000.000	
		Cổ tức nhận được	30.400.305.000	

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Trong kỳ, Công ty đã ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ quản lý với các công ty con với mức phí được xác định theo chính sách tính phí hàng quý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên có liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	3.495.961.726	10.117.383.889	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	1.083.255.747	2.374.841.926	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	735.892.512	915.388.857	
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	Công ty con	Phải thu từ cung cấp dịch vụ	56.860.304	56.860.304	
TỔNG CỘNG			<u>5.371.970.289</u>	<u>13.464.474.976</u>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	14.115.562.214	26.478.397.677	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	21.535.215.545	21.954.368.639	
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	35.931.130.960	37.363.762.209	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	15.591.858.586	9.620.503.443	
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án xây dựng MANPRO	Công ty con	Phải thu từ quản lý vốn tập trung	83.834.063.314	55.179.045.914	
TỔNG CỘNG			<u>171.007.830.619</u>	<u>150.596.077.882</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

<i>Phải trả các bên liên quan – (Thuyết minh số 14)</i>			<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	3.551.666.617	20.259.798.199
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	7.120.000.000	12.125.761.316
Công ty TNHH dịch vụ Bảo Vệ V-ONE	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	4.565.270.098	17.288.645.888
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	0	5.160.108
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá	Công ty con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	0	881.072
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty Con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	0	15.004.610
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty Con	Phải trả từ quản lý vốn tập trung	5.988.375.576	13.956.716.231
TỔNG CỘNG			21.225.312.291	63.651.967.424

Trái phiếu

			<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh (*)	Bên liên quan khác đến ngày 17/05/2023	Phải trả về phát hành trái phiếu	0	51.800.000.000
TỔNG CỘNG			0	51.800.000.000

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
Các giao dịch với bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm:

<i>Tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch HĐQT	454.183.818	92.307.690
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	213.498.854	
Ông Phan Anh Sơn	Thành viên HĐQT	128.556.736	92.307.690
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	128.556.736	92.307.690
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	125.272.784	82.857.141
TỔNG CỘNG		924.796.144	359.780.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

Đơn vị tính: VND			
Tên	Chức vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Nguyễn Việt Sơn	Tổng giám đốc đến ngày 23 tháng 6 năm 2022		1.029.486.000
Phạm Thị Tâm Dung	Giám đốc tài chính		420.000.000
Tạ Thị Thu Hằng	Tổng giám đốc	1.241.794.031	
Hoàng Minh Tuấn	Giám đốc tài chính	348.833.570	
TỔNG CỘNG		1.590.627.601	1.449.486.000

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Văn Thiện
Người lập biểu



Hoàng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023